

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2016 - 2017

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

22/04/2017

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
1	361936	Nguyễn Thị Hường	3619	4	26	11	10	81	255	400	655	10.0
2	362123	Hà Thị Ngọc Hoa	3621	10	19	17	16	45	325	180	505	9.0
3	360163	Lưu Thị Dung	3601	9	22	11	12	33	275	110	385	
4	360745	Lê Trọng Đạo	3607	3	12	12	14	44	190	175	365	
5	360168	Bùi Văn Kiên	3601	6	7	14	15	31	195	95	290	
6	361542	Lê Tuấn Anh	3615									
7	371833	Trần Thu Trang	3718	7	28	26	26	86	480	425	905	10.0
8	371274	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	3712	10	26	23	22	44	445	175	620	10.0
9	371043	Lê Thị Hồng Loan	3710	10	14	24	23	34	385	115	500	8.5
10	371049	Bùi Thị Thanh Ngân	3710	10	22	13	11	40	290	150	440	
11	372847	Nguyễn Huy Phương	3728	5	18	12	16	37	255	130	385	
12	371863	Đỗ Thị Hải Ninh	3718	8	13	15	11	38	230	140	370	
13	372740	Nguyễn Thị Mai Phương	3727	6	16	11	10	35	200	120	320	
14	382762	Hoàng Mai Linh	3827	8	29	23	25	93	470	470	940	10.0
15	382559	Nguyễn Phương Anh	3825	8	26	29	26	83	490	410	900	10.0
16	381559	Nguyễn Trần Diệu Linh	3815	9	29	28	28	81	495	400	895	10.0
17	380663	Lê Dạ Lan Hương	3806	8	25	24	23	86	440	425	865	10.0
18	381561	Hoàng Thùy Linh	3815	8	28	20	22	74	425	360	785	10.0
19	382575	Dương Hà Uyên	3825	8	24	18	17	84	360	415	775	10.0
20	381556	Lê Anh Việt	3815	7	21	27	25	69	440	330	770	10.0
21	380368	Nguyễn Phú Sơn	3803	9	22	25	21	69	420	330	750	10.0
22	382418	Lương Thị Hiền	3824	8	22	20	20	75	380	365	745	10.0
23	382708	Nguyễn Hương Giang	3827	6	20	27	18	68	385	325	710	10.0
24	382556	Nguyễn Đức Tú	3825	7	25	19	21	63	390	290	680	10.0
25	381346	Nguyễn Thị Thùy Linh	3813	7	17	20	17	73	320	355	675	10.0
26	381047	Đoàn Nguyễn Kiều My	3810	7	22	21	15	66	345	310	655	10.0
27	382574	Trịnh Kim Ngân	3825	9	18	14	13	72	275	350	625	10.0
28	380530	Nguyễn Trung Kiên	3805	6	16	23	18	63	330	290	620	10.0
29	382756	Nguyễn Thị Huyền Trang	3827	10	14	15	18	67	295	320	615	10.0
30	381035	Phạm Thu Thủy	3810	6	17	17	19	64	310	300	610	10.0
31	380356	Nguyễn Thị Vân Anh	3803	6	23	15	13	66	295	310	605	10.0
32	382745	Mai Thị Hà Linh	3827	6	26	17	22	51	385	220	605	10.0
33	382569	Hoàng Anh	3825	9	21	20	15	52	345	225	570	9.5
34	382822	Trần Mai Linh	3828	6	23	19	10	60	300	270	570	9.5
35	381637	Nguyễn Thị Minh Huệ	3816	7	22	23	13	51	345	220	565	9.5
36	380957	Nguyễn Lê Quân	3809	10	26	24	18	37	425	130	555	9.5
37	382702	Mai Thanh Bách	3827	8	27	20	16	43	385	170	555	9.5
38	382333	Lê Quỳnh Anh	3823	10	13	11	12	68	220	325	545	9.5
39	382461	Hoàng Mai Anh	3824	6	21	15	17	54	310	235	545	9.5
40	382560	Bùi Thị Mỹ Ngọc	3825	6	16	17	20	50	310	215	525	9.0
41	382326	Trần Thị Yến Trang	3823	6	20	17	12	52	280	225	505	9.0
42	381745	Nguyễn Như Sơn	3817	8	26	16	13	43	330	170	500	8.5
43	382441	Nguyễn Thị Thủy	3824	7	25	16	10	48	300	200	500	8.5
44	382824	Vũ Thị Thanh	3828	8	18	23	11	45	315	180	495	8.5
45	382311	Vi Thị Thương	3823	10	13	20	20	40	330	150	480	8.5
46	380722	Nguyễn Đức Hải	3807	7	21	19	15	39	325	145	470	8.0
47	381141	Nguyễn Hồng Ngọc	3811	4	12	24	11	49	255	210	465	8.0
48	382654	Phạm Thị Phương Anh	3826	6	15	12	12	56	215	250	465	8.0

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2016 - 2017

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

22/04/2017

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
49	382719	Mai ánh Nguyệt	3827		11	10	7	70	120	335	455	8.0
50	380253	Nguyễn Tùng Sơn	3802	8	18	15	5	52	220	225	445	
51	382631	Nguyễn Thị Minh Hạnh	3826	6	19	13	15	42	270	165	435	
52	382741	Cao Thị Dung	3827	7	14	19	9	46	245	190	435	
53	380632	Nguyễn Thị Thu Trang	3806	2	7	9	30	46	240	190	430	
54	381941	Ngô Thùy Trang	3819	6	15	14	15	45	250	180	430	
55	380537	Nguyễn Đình Thị Linh	3805	6	19	14	8	47	230	195	425	
56	381110	Nguyễn Văn Thùy	3811	7	21	13	11	42	260	165	425	
57	381617	Nguyễn Thị Trang	3816	7	20	18	10	39	280	145	425	
58	381423	Vũ Thị Lệ Quỳnh	3814	5	17	16	18	37	290	130	420	
59	381749	Vũ Thị Ngọc Lan	3817	4	17	19	11	41	255	160	415	
60	381866	Trần Nguyễn Thu Hiền	3818	5	15	13	11	48	210	200	410	
61	382658	Nguyễn Hoàng Hải	3826	7	16	17	12	40	260	150	410	
62	382640	Nguyễn Thị Thu Trang	3826	6	13	14	14	43	230	170	400	
63	382671	Phạm Thị Hiền	3826	5	13	12	14	46	210	190	400	
64	382675	Hoàng Anh Dũng	3826	8	14	13	17	38	260	140	400	
65	380438	Nguyễn Minh Đông	3804	3	21	15	17	32	290	100	390	
66	382366	Nguyễn Thùy Dung	3823	5	22	8	17	37	260	130	390	
67	381622	Nguyễn Anh Tú	3816	6	13	11	11	47	190	195	385	
68	381746	Lê Hoàng Đăng	3817	5	15	15	5	47	185	195	380	
69	382608	Nguyễn Thị Vân Anh	3826	7	17	12	13	37	245	130	375	
70	381844	Lưu Thị Trâm Anh	3818	4	17	13	15	35	245	120	365	
71	382367	Đinh Thị Phương Thảo	3823	7	22	9	15	31	270	95	365	
72	380235	Trần Hải Ninh	3802	8	15	11	12	38	220	140	360	
73	381717	Lương Đình Thiện	3817	4	10	14	13	43	190	170	360	
74	380228	Lê Thị Lan	3802	8	16	13	11	34	240	115	355	
75	381237	Phan Thị Thu Thủy	3812	6	11	6	13	46	165	190	355	
76	382555	Hoàng Phương Liên	3825	5	14	11	9	44	180	175	355	
77	381341	Nguyễn Tuấn Cường	3813	8	17	14	12	30	255	90	345	
78	380461	Nguyễn Ngọc Trang	3804	6	11	14	10	40	190	150	340	
79	381424	Bùi Hoàng Hồng Hạnh	3814	7	12	8	14	40	190	150	340	
80	382648	Phạm Ngọc Nam	3826	5	16	11	11	38	200	140	340	
81	382352	Lại Thị Thảo Anh	3823	5	18	17	11	28	255	80	335	
82	382653	Phạm Ngọc Linh	3826	5	11	10	3	49	125	210	335	
83	382627	Lê Thị Hường	3826	4	14	15	15	30	240	90	330	
84	382755	Lê Thu Trang	3827	5	12	8	12	41	170	160	330	
85	380703	Nguyễn Đức Anh	3807	7	14	12	8	37	190	130	320	
86	381633	Cao Lệ Thu	3816	6	10	16	10	36	195	125	320	
87	381551	Lê Mai Phương	3815	4	15	10	8	39	170	145	315	
88	382438	Nguyễn Thị Thu Huyền	3824	6	14	8	9	39	170	145	315	
89	380456	Tô Tuấn Hoàng	3804	9	19	19	12		310		310	
90	382726	Nguyễn Thị Hồng	3827	6	11	9	6	40	140	150	290	
91	381808	Bùi Thị Chi	3818	3	10	15	10	33	175	110	285	
92	382704	Nguyễn Thị Thanh Mai	3827	10	12	8	8	33	175	110	285	
93	380352	Lê Thị Thanh Phương	3803	4	12	7	11	36	150	125	275	
94	380224	Ngô Thị Thu Thủy	3802	5	11	9	5	38	130	140	270	
95	380650	Nguyễn Minh Tâm	3806	5	9	8	9	37	135	130	265	
96	381512	Nguyễn Thị Bích Ngọc	3815	3	9	7	9	38	120	140	260	

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2016 - 2017

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

22/04/2017

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
97	382330	Mai Thị Nhung	3823	6	14	12	9	27	190	70	260	
98	382368	Đoàn Thu Huyền	3823	4	11	11	11	29	170	85	255	
99	380230	Tạ Thị Nhung	3802	4	17	13	3	26	170	65	235	
100	380952	Trần Thị Thanh Hiền	3809	4	17	9	9	23	180	45	225	
101	380947	Phạm Thanh Giang	3809	3	15	7	11	23	165	45	210	
102	382306	Bùi Thị Hoài	3823	2	10	8	9	21	125	35	160	
103	380708	Hoàng Thị Trinh	3807									
104	382049	Vũ Duy Hiếu	3820									
105	382869	Nguyễn Thị Hương	3828									
106	392648	Nguyễn Thị Như Quỳnh	3926	9	28	29	26	83	495	410	905	10.0
107	391365	Bùi Nguyễn Minh Hằng	3913	10	28	21	23	90	450	450	900	10.0
108	390356	Hoàng Thị Phương Lan	3903	7	28	26	19	82	440	405	845	10.0
109	391257	Trần Ngọc Kim Anh	3912	10	29	25	20	70	465	335	800	10.0
110	390364	Đỗ Hồng Nhung	3903	10	25	25	19	75	430	365	795	10.0
111	392563	Đỗ Nữ Hà Phương	3925	8	27	22	17	79	400	390	790	10.0
112	390463	Nguyễn Tá Sơn	3904	10	25	24	27	63	475	290	765	10.0
113	390365	Lê Xuân Anh	3903	8	28	27	27	58	495	260	755	10.0
114	390461	Nguyễn Khánh Phương	3904	9	17	22	15	77	330	380	710	10.0
115	392337	Nguyễn Thị Hương Giang	3923	10	22	21	19	64	390	300	690	10.0
116	391262	Dương Quang Dũng	3912	10	24	21	12	68	360	325	685	10.0
117	390547	Nguyễn Thị Thủy	3905	9	20	27	16	62	390	285	675	10.0
118	390859	Vũ Thị Tú Minh	3908	9	25	20	16	63	380	290	670	10.0
119	390860	Trần Thu Thùy	3908	9	21	25	21	58	410	260	670	10.0
120	391938	Trần Thị Mai	3919	9	18	14	12	79	270	390	660	10.0
121	392564	Lưu Hà Thu Hương	3925	8	17	24	17	65	350	305	655	10.0
122	392358	Nguyễn Thị Tâm	3923	6	16	19	16	73	295	355	650	10.0
123	391261	Nguyễn Việt Hùng	3912	8	20	22	20	59	380	265	645	10.0
124	392339	Nguyễn Thị Thắm	3923	8	18	13	16	73	280	355	635	10.0
125	390358	Dương Thùy Linh	3903	8	19	20	18	51	345	220	565	9.5
126	390367	Lương Thị Kiều Trang	3903	5	10	14	17	66	220	310	530	9.0
127	391263	Phạm Hoàng Phương Anh	3912	6	15	10	13	53	210	230	440	
128	390726	Phạm Thị Thu	3907	8	10	11	14	49	200	210	410	
129	392808	Triệu Thị Diễm	3928	6	15	11	14	40	220	150	370	
130	390245	Đặng Thị Thu Trang	3902	6	13	10	12	44	190	175	365	
131	390359	Phạm Thảo Linh	3903	5	13	13	13	40	210	150	360	
132	390354	Nguyễn Thu Quỳnh	3903	4	19	15	9	31	230	95	325	
133	390450	Nguyễn Công Thành	3904	6	18	6	6	32	165	100	265	
134	393104	Trần Thị Minh Giang	3931	7	4	9	2	32	85	100	185	
135	390267	Nguyễn Hà Trinh	3902	3	8	6	4	9	80	5	85	
136	412718	Ngô Phương Anh	4127	7	8	9	12	24	165	50	215	

TRUNG TÂM CNTT

PHÒNG ĐÀO TẠO

THANH TRA ĐÀO TẠO

TRUNG TÂM ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

BAN GIÁM HIỆU